

Số: 53/2020/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 14 tháng 5 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** Thụ lý số : **37/2020/TLST- HNGĐ** ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Trọng T** – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm BG, xã HT, huyện HA, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Trương Thị Bích D** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 21, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Trọng T – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm BG, xã HT, huyện HA, tỉnh CB.

Bà Trương Thị Bích D – sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 21, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trọng T và bà Trương Thị Bích D.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung, nợ riêng:** Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không có nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Ông Nguyễn Trọng T và bà Trương Thị Bích D mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận ông Nguyễn Trọng T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Tổng số tiền án phí ông T phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000682 ngày 30/3/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường ĐT, TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng